



LR-WF10C

Loại sợi quang Đầu nối M12 loại 4-chân



Thông số kỹ thuật

Mẫu	LR-WF10C	
Loại	Loại sợi quang Đầu nối M12 loại 4-chân	
Khoảng cách phát hiện được	Khoảng cách phát hiện và đường kính vết nhỏ nhất dựa trên đầu cáp quang được gắn vào	
Đường kính điểm tối thiểu		
Nguồn sáng	Đèn LED màu trắng	
Chức năng giám cam nhiều lần nhau	Lên đến 2 thiết bị khi bộ tần số luân phiên	
Chức năng hẹn giờ	TẮT/BAT tri hoãn/TẮT tri hoãn/Một xung	
Thời gian đáp ứng	250 $\mu$ s, 1 ms, 10 ms, 100 ms, 500 ms Có thể lựa chọn <sup>1,2</sup>	
I/O	Ngõ ra điều khiển	Có thể lựa chọn NPN cực thu để hở/PNP cực thu để hở, 30 VDC trở xuống, 50 mA trở xuống, điện áp còn lại: 2 V trở xuống, có thể lựa chọn Thường mở/Thường đóng <sup>3</sup>
	Ngõ vào bên ngoài	Có thể lựa chọn điều chỉnh/ngừng phát laser, Dòng điện đoạn mạch: 1 mA trở xuống cho NPN/2 mA trở xuống cho PNP Để biết được mức điện áp áp dụng, vui lòng tham khảo sơ đồ nối dây trong sổ tay hướng dẫn. Để biết được số lần n ngõ vào, vui lòng tham khảo bản đồ thời gian trong sổ tay hướng dẫn. <sup>3</sup>
Mạch bảo vệ	Bảo vệ chống kết nối công suất ngược, đột biến nguồn điện cung cấp, quá dòng ngõ ra, đột biến ngõ ra, và kết nối ngõ ra ngược	
Cấp nguồn	Điện áp nguồn cấp	10 đến 30 VDC, bao gồm độ gợn (P-P) 10%, Class 2 hoặc LPS
	Dòng tiêu thụ	50 mA trở xuống (không tải) ở 24 VDC; 90 mA trở xuống (không tải) ở 12 VDC <sup>4</sup>
Khả năng chống chịu với môi trường	Chỉ số chống chịu thời tiết cho vỏ bọc	IP65 (IEC60529) <sup>5,6</sup>
	Ánh sáng môi trường xung quanh	Đèn bóng tròn: 10000 lux trở xuống, Ánh sáng mặt trời: 20000 lux trở xuống
	Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 đến +45°C (không đóng băng)
	Độ ẩm môi trường xung quanh	35 đến 85% RH (không ngưng tụ)
	Chống chịu rung	10 đến 55 Hz Biên độ kép 1,5 mm theo các hướng X, Y, Z tương ứng, 2 giờ
Chống chịu va đập	1000 m/s <sup>2</sup> theo các hướng X, Y, và Z, với 6 lần tương ứn	
Vật liệu	Vỏ: Khuôn đúc kẽm (Niken mạ chrome), Vỏ bọc đèn báo: PPSU, Phim: PES, Vỏ che ống kính (trừ loại sợi quang) và à hiển thị: PMMA (lớp phủ chống trầy xước), Vòng đầu nối: PMP, Ốc cắm đầu nối: PEI, ngàm lắp khóa sợi quang: PBT, NBR, Cao su silicone, SUS304, Bộ nguồn SUSXM7: PBT	
Khối lượng	Xấp xỉ 95 g	
<p><sup>1</sup> Khi sử dụng giao tiếp IO-Link, nếu thời gian đáp ứng được thiết lập trong từ 1ms trở lên, thì sẽ chậm hơn khoảng 10%.</p> <p><sup>2</sup> Khi lắp đặt bộ tần số luân phiên, thời gian đáp ứng sẽ tăng lên khoảng 20%.</p> <p><sup>3</sup> IO-Link: Hỗ trợ thông số kỹ thuật v.1.1/COM2 (38,4 kbps). Có thể tải về tập tin cài đặt từ trang web KEYENCE (<a href="http://www.keyence.com">http://www.keyence.com</a>). Nếu bạn đang sử dụng sản phẩm trong môi trường không cho phép tải về các tập tin từ Internet, vui lòng liên hệ với văn phòng KEYENCE gần nhất.</p> <p><sup>4</sup> Loại tiêu chuẩn: 195 mA trở xuống (tại 10 V, có tải), Loại vết nhỏ/kép: 180 mA trở xuống (tại 10 V, có tải), Loại sợi quang: 160 mA trở xuống (tại 10 V, có tải)</p> <p><sup>5</sup> Khi sử dụng các thiết bị sợi quang có đường kính nhỏ như sau (đường kính của cáp là <math>\phi</math>1,3 mm hoặc <math>\phi</math>1,0 mm), chỉ số IP65 không thể thỏa mãn (FU-4F/66/91/93/43/63/63T v.v...). Khi sử dụng bất kỳ thiết bị sợi quang có đường kính nhỏ ngoại trừ các thiết bị có đường kính nêu trên, thì cần sử dụng IP65.</p> <p><sup>6</sup> Nếu thuộc một trong các trường hợp dưới đây, chỉ số chống chịu thời tiết cho vỏ bọc của IP65 không thể thỏa mãn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi bộ nguồn chống thấm nước A/B không được sử dụng tại thời điểm lắp đặt thiết bị sợi quang có đường kính nhỏ.</li> </ul>		

Kích thước

\* Nếu không đọc được các ký tự trên hình, xin vui lòng tham khảo CAD hoặc hướng dẫn sử dụng.

lr-wf10c\_dimension\_01.gif

LR-WF10C

